

Bản án số: 172/2025/DS-PT

Ngày: 07/5/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

- Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2/ Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đặng Hoàng Oanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*:

1/ Anh Trần Văn T1, sinh năm 1990.
Địa chỉ: 1 ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2/ Chị Nguyễn Thu N, sinh năm 1997.
Địa chỉ: 6 ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1971.
Địa chỉ: 6 ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Chị N có mặt; bà T, anh T1, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Bà là mẹ của anh Trần Văn T1, còn Nguyễn Thu N là vợ T1. Năm 2018, vợ chồng T1 hỏi vay của bà số tiền 1,5 tỷ đồng để mua nhà và đất tại ấp B, xã P (ngay đầu cầu L) nhằm mở quán cơm niêu, bà đồng ý.

Ngày 27/03/2018 bà trực tiếp giao đủ 1,5 tỷ đồng cho vợ chồng N, T1 tại nhà bà Trần Mai H (bà H là mẹ của N tức nhà mẹ vợ của T1 vì lúc này T1 và N đang ở chung nhà bà H). Bà giao bằng tiền mặt cho T1, N và có mặt chứng kiến của bà H.

Sau khi đếm đủ tiền, T1 có viết giấy vay tiền đề ngày 27/03/2018 và ký tên bên dưới, Nguyễn Thu N cũng ký viết bên dưới chữ "vợ"; Giấy chỉ lập 01 bản và do bà giữ. Dù giấy mượn tiền viết tại nhà bà H nhưng bà không yêu cầu bà H ký làm chứng vì bà H không vay tiền của bà. Sau khi giao đủ tiền thì bà cầm giấy vay tiền ra về.

Khi vay, hai bên không tính thời hạn vay mà chỉ thỏa thuận chừng nào vợ chồng T1 có tiền thì trả và cũng không tính tiền lãi. Vợ chồng anh T1, chị N chưa trả cho bà bất cứ khoản tiền nào thì năm 2022 lại ly hôn.

Nay, bà kiện đòi vợ chồng anh T1, chị N trả lại cho bà số tiền vốn vay là 1,5 tỷ đồng và tiền lãi 1% mỗi tháng tính từ ngày 27/03/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 24/02/2023, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính tiền lãi; chỉ yêu cầu vợ chồng anh T1, chị N trả lại cho bà số tiền vốn vay là 1,5 tỷ đồng.

Bị đơn anh Trần Văn T1 trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của mẹ ruột Nguyễn Thị Diễm T là hoàn toàn đúng. Ngày 27/3/2018, anh cùng vợ là Nguyễn Thu N có vay bà T số tiền 1,5 tỷ đồng để xây cất quán cơm, đến nay chưa trả. Tại Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 của TAND huyện Định Quán đã xét xử ly hôn giữa anh và chị N. Nay, anh đồng ý thanh toán cho bà T 750.000.000đ (1,5 tỷ đồng/2 = 750.000.000đ).

Bị đơn chị Nguyễn Thu N trình bày:

Bà T là mẹ anh Trần Văn T1. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, bà T có mượn tiền vợ chồng chị nhiều lần nhưng không nhớ số lần và số tiền là bao nhiêu vì sổ ghi nợ do anh Thái G và bà T tự tính lãi. Ngày 27/3/2018, vợ chồng chị cần tiền mua đất để mở quán Cơm niêu nên đòi lại tiền thì bà T không có tiền trả. Bà T tự tính đến ngày 27/3/2018 thì tiền vốn lẫn lãi đã nợ vợ chồng chị là 1,5 tỷ đồng. Do không có tiền trả nên bà T mượn tiền từ mẹ chị là bà Trần Thị Mai H số tiền 1,5 tỷ đồng để trả cho vợ chồng chị và bà T chịu nợ đối với bà H.

Chị không thừa nhận nợ tiền gì của bà T, do đó, chị không đồng ý gọi tên chứng cứ do bà T đưa ra là "Giấy vay tiền" mà chị gọi đó là "Giấy chuyển nợ". Chị thừa nhận chữ ký bên dưới giấy chuyển nợ là của chị ký và viết ra với mục đích là ghi nhận việc bà T mượn của bà H số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ rưỡi) để trả cho vợ chồng chị đi mua đất.

Do không nợ tiền bà T nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Diễm T là mẹ của anh Trần Văn T1; bà là mẹ của chị Nguyễn Thu N. Anh T1 và chị N từng là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Bản án số 121/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 của TAND huyện Định Quán.

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, bà T nhiều lần mượn tiền của vợ chồng chị N để làm việc riêng. Đến năm 2018 thì bà T đã nợ vợ chồng chị N 1,5 tỷ đồng. Đầu năm 2018, vợ chồng N cần tiền mua đất để làm quán Cơm niêu nên đòi tiền lại nhưng bà T không có tiền trả. Do đó, bà T mượn của bà số tiền 1,5 tỷ đồng để trả cho vợ chồng N và chịu nợ đối với bà.

Để cho rõ ràng, bà kêu anh T1 ghi rõ việc chuyển nợ và T1 đã ghi giấy chuyển nợ như sau "Con tên Trần Văn T1 và vợ là Nguyễn Thu N. Ngày 27/3/2018 con đã nhận đủ số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) của mẹ T (chuyển qua cho mẹ Hồng V) để mua nhà". Giấy vay được viết cùng ngày 27/3/2018 tại nhà bà. Khi T1 viết thì có những người sau chứng kiến: Bà là người cho mượn tiền, giao tiền trực tiếp cho N và T1 tại nhà bà; A - là người viết giấy và đồng thời là người nhận tiền; Chị N là người mượn tiền, đếm tiền; Bà T là người mượn tiền của bà cũng chứng kiến và phụ đếm tiền cho vợ chồng T1 - N.

Sau khi nhận tiền xong, T1, N cùng ký tên vào giấy vay tiền. Giấy này chỉ lập 01 bản và giao cho bà T giữ. Bà T mượn tiền của bà để trả cho vợ chồng N mua đất cất nhà bán quán cơm và trực tiếp chịu nợ với bà nên mới ghi câu "(Chuyển qua mẹ Hồng V) để mua nhà". Bà chưa từng nhận số tiền 1,5 tỷ đồng từ bà T.

Nay bà T cho rằng anh T1, chị N vay của bà T số tiền 1,5 tỷ đồng là dối trá. Anh T1 đồng lõa với bà T để gây khó dễ cho chị N và lừa dối Tòa án nhằm chiếm đoạt tiền của chị N. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T về việc tranh chấp vay tài sản với bị đơn là anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thu N.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền lãi của bà T với anh T1, chị N.

2. Buộc mỗi anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thu N trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2024, bị đơn chị Nguyễn Thu N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo hướng: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T hoặc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn và bị đơn, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, việc thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt niêm yết cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Bị đơn chị Nguyễn Thu N kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 27/03/2018, anh Trần Văn T1, chị Nguyễn Thu N đã ghi giấy: "Con tên Trần Văn T1 và vợ là Nguyễn Thu N1, ngày 27/03/2018 con đã nhận đủ số tiền một tỷ năm trăm triệu đồng của mẹ T (chuyển qua cho mẹ Hồng V) để mua nhà. Nay xác nhận lại". Mặc dù nội dung không có từ nào thể hiện đây là hợp đồng vay tiền nhưng có căn cứ xác định vợ chồng chị N1, anh T1 đã nhận đủ số tiền 1,5 tỷ đồng của bà T. Chị Nguyễn Thu N và bà Trần Thị Mai H xác nhận có việc giao nhận tiền như bà T trình bày nhưng là tiền của bà H cho bà T vay để trả nợ cho vợ chồng chị N. Ngoài lời khai, chị N và bà H không đưa ra được tài liệu, chứng minh. Chị N chỉ đưa ra tài liệu thể hiện bà T có vay mượn của tiền của nhiều người, nhưng đây là chuyện cá nhân của bà T. Tòa án nhân dân huyện Định Quán chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T1, chị N mỗi người trả cho bà T số tiền 750.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, chị N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thu N thực hiện trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T, bị đơn anh Trần Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng.

[3] Nội dung vụ án.

[3.1] Về tiền nợ gốc:

Theo bà Nguyễn Thị Diễm T, ngày 27/03/2018 bà trực tiếp giao đủ 1,5 tỷ đồng cho vợ chồng chị N, anh T1 vay để mua nhà trước sự chứng kiến của bà H. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T đã cung cấp cho Tòa án giấy viết tay thể hiện nội dung: "Con tên Trần Văn T1 và vợ là Nguyễn Thu N1, ngày 27/03/2018 con đã nhận đủ số tiền một tỷ năm trăm triệu đồng của mẹ T (chuyển qua cho mẹ Hồng V) để mua nhà. Nay xác nhận lại". Bên dưới có ký tên Trần Văn T1 và Nguyễn Thu N (BL 32).

Chị Nguyễn Thu N và bà Trần Thị Mai H xác nhận có việc giao nhận tiền như bà T trình bày nhưng là tiền của bà H cho bà T vay để trả nợ cho vợ chồng chị N. Ngoài lời khai, chị N và bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác.

Qua xem xét giấy giao nhận tiền do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nội dung của giấy thể hiện vợ chồng chị N, anh T1 đã nhận đủ số tiền 1,5 tỷ đồng của bà T thông qua bà H. Mặc dù nội dung không có từ nào thể hiện đây là hợp đồng vay tiền nhưng có căn cứ xác định vợ chồng chị N, anh T1 đã nhận đủ số tiền 1,5 tỷ đồng của bà T. Sau khi vợ chồng chị N, anh T1 viết xong giấy, bà T là người giữ lại giấy viết tay. Trường hợp bà H cho bà T vay 1,5 tỷ đồng để trả nợ cho vợ chồng chị N, anh T1 thì người cầm giấy viết tay phải là bà H hoặc giữa bà T và bà H có giấy nhận nợ khác. Tuy nhiên, bà H, chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác nên bà H, chị N cho rằng đây là khoản bà T vay của bà H là không có cơ sở, đồng thời có đủ căn cứ xác định chị N, anh T1 đã nhận đủ số tiền vay 1,5 tỷ đồng của bà T.

Ngoài ra, quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị N đã cung cấp cho Tòa án một số giấy tờ thể hiện bà T vay tiền của người khác. Theo chị N thì từ năm 2014 đến năm 2020, bà T sử dụng tiền vay của người khác kinh doanh không hiệu quả, bị thua lỗ nên không có tiền cho vợ chồng chị mượn. Tuy nhiên, các giấy tờ do chị N cung cấp chỉ thể hiện nội dung bà T vay mượn tiền của người khác, không thể hiện nội dung bà T vay tiền của vợ chồng chị N. Việc vay mượn tiền là việc cá nhân của bà T, không thể căn cứ vào việc bà T vay tiền của người khác để xác định bà T không có tiền để cho vợ chồng chị N vay được.

Quá trình giải quyết vụ án ly hôn thụ lý số 60/2021/TLST- HNGĐ ngày 27/01/2021 giữa chị Nguyễn Thu N và anh Trần Văn T1 tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán, bà T đã yêu cầu vợ chồng chị N, anh T1 trả số tiền 1.5 tỷ đồng nhưng vợ chồng chị N chưa trả. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N, anh T1 phải trả số tiền đã nhận.

Theo Điều 466 Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.

Mặc dù trong giấy nhận tiền không thể hiện rõ thời hạn vay, thời gian trả nhưng khi Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai giải quyết tranh chấp ly hôn giữa chị N và anh T1, bà T đã yêu cầu vợ chồng chị N trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay bà T khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Định Quán chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T1, chị N mỗi người trả cho bà T số tiền 750.000.000đ là có căn cứ. Chị N kháng cáo cho rằng số tiền này là tiền bà T vay của bà H để trả nợ cho vợ chồng chị N nên đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà T, nhưng chị N không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu tính lãi, cấp sơ thẩm đã đình chỉ là phù hợp.

[4] Về án phí DSPT: Do không chấp nhận đơn kháng cáo nên chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014691 ngày 28/10/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thu N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2/ Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 68, 147, 184, 227, 228, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 305, 357, 468, 471, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thu N.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền lãi của bà T với anh T1, chị N.

2. Buộc mỗi anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thu N trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí có giá ngạch: Bà T không phải chịu. Bà đã nộp tạm ứng 29.377.000đ theo biên lai thu số 0003689 ngày 19/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán nên được hoàn lại.

Anh T1, chị N mỗi người phải nộp số tiền 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng).

Về án phí DSPT: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014691 ngày 28/10/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND T. Đồng Nai;
- TAND huyện Định Quán;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đình Trung